

Số: 06/2020/QĐST-HNGĐ

Nam Đông, ngày 04 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Quốc Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Không có yêu cầu độc lập): Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng chính sách xã hội: Ông Đặng Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 57, 58, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Quốc Th và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Công D, sinh ngày 24/5/2018 cho anh Trương Quốc Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi

trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Trương Nguyễn Công D đang sống với anh Trương Quốc Th.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trương Quốc Th và chị Nguyễn Thị Thu H có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, anh Trương Quốc Th và chị Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Cụ thể:

+ Anh Trương Quốc Th nhận là người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền 15.160.000 đồng, trong đó: Tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/5/2020 là 160.000 đồng. Đối với số tiền lãi từ ngày 28/5/2020 trở về sau thì anh Trương Quốc Th có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong sổ vay vốn giữa các đương sự.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H nhận là người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền 20.190.000 đồng, trong đó: Tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/5/2020 là 190.000 đồng. Đối với số tiền lãi từ ngày 28/5/2020 trở về sau thì chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong sổ vay vốn giữa các đương sự.

- Về án phí:

Án phí ly hôn: Anh Trương Quốc Th phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/000746 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho anh Trương Quốc Th số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí dân sự: Anh Trương Quốc Th và chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện N Đ;
- UBND xã H, huyện N Đ;
(Đăng ký kết hôn ngày 20/6/2017).
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú